

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 17/2023/CBTT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên 2023	Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP KASATI thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP KASATI

- Mã chứng khoán: KST
- Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 08 38655343 Fax: 08 38 652487
- Email: longnguyen@kasati.com.vn
- Website: www.kasati.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023
- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Công văn giải trình đính kèm

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/08/2023 tại đường dẫn: www.kasati.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023: Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.



<p>Tài liệu đính kèm:</p> <ul style="list-style-type: none">- BCTC- Văn bản giải trình	<p>Đại diện tổ chức Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) TỔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>  Lê Phước Hiền</p>
--	--

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2023
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

Tháng 8 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Tô Hoài Văn	Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Phước Hiền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Long	Thành viên
Ông Hoàng Minh Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Phước Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Phước Hiền – Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Phước Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Số: 145 /VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kasati**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2023, từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Chữ Mạnh Hoan**
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.669.354.173	240.884.726.811
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	45.903.327.520	68.499.552.588
1. Tiền	111		10.333.327.520	55.884.552.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.570.000.000	12.615.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	9.577.219.000	9.070.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.577.219.000	9.070.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.905.117.951	115.032.372.065
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	99.408.151.781	96.143.556.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.051.705.850	4.126.890.271
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.918.324.766	16.367.989.363
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.473.064.446)	(1.606.064.446)
IV. Hàng tồn kho	140	8	2.700.586.131	44.847.653.117
1. Hàng tồn kho	141		10.270.752.268	52.417.819.254
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.570.166.137)	(7.570.166.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.583.103.571	3.435.149.041
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	127.567.810	130.752.651
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.392.891.333	3.304.396.390
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	62.644.428	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.443.305.174	8.458.263.466
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		227.272.058	125.030.663
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	227.272.058	125.030.663
II. Tài sản cố định	220		2.599.877.167	2.890.376.758
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.430.753.867	2.692.615.458
- Nguyên giá	222		40.905.978.865	40.799.638.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.475.224.998)	(38.107.023.407)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	169.123.300	197.761.300
- Nguyên giá	228		911.885.959	911.885.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(742.762.659)	(714.124.659)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	4.900.000.000	4.927.009.675
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.900.000.000	4.900.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	27.009.675
IV. Tài sản dài hạn khác	260		716.155.949	515.846.370
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	716.155.949	515.846.370
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		179.112.659.347	249.342.990.277

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		110.152.215.971	176.537.194.473
I. Nợ ngắn hạn	310		110.152.215.971	176.537.194.473
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	79.910.806.184	144.558.018.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.367.528	27.268.834
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	663.596.324	649.856.317
4. Phải trả người lao động	314		709.544.518	5.776.980.700
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.668.803.725	10.354.302.973
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		650.272.500	657.172.500
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	21.229.202.311	13.804.606.251
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.290.622.881	708.988.018
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.960.443.376	72.805.795.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	68.960.443.376	72.805.795.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.920.200.000	59.920.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.920.200.000	59.920.200.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.024.805.255	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.015.438.121	12.885.595.804
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.802.911.622	2.802.911.622
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.212.526.499	10.082.684.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		179.112.659.347	249.342.990.277



Phạm Thị Thanh Thảo
Người lập biểu



Đoàn Thị Triệu Phước
Kế toán trưởng



Lê Phước Hiền
Tổng Giám đốc

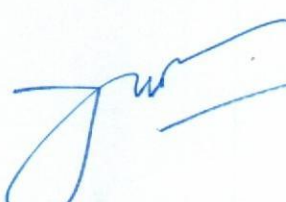
Ngày 15 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		111.294.795.912	55.036.865.948
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		94.043.933	48.466.865
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	111.200.751.979	54.988.399.083
4. Giá vốn hàng bán	11	20	100.947.463.276	43.855.429.946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.253.288.703	11.132.969.137
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.390.083.080	659.073.527
7. Chi phí tài chính	22		3.086.640	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	7.579.458.464	7.365.870.143
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		4.060.826.679	4.426.172.521
10. Thu nhập khác	31		141.900	-
11. Chi phí khác	32		-	3.471.160
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		141.900	(3.471.160)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.060.968.579	4.422.701.361
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	848.442.080	915.639.024
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.212.526.499	3.507.062.337
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	536	585


Phạm Thị Thanh Thảo
Người lập biểu


Đoàn Thị Triệu Phước
Kế toán trưởng



Lê Phước Hiền
Tổng Giám đốc


Ngày 15 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.060.968.579	4.422.701.361
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	396.839.591	490.569.678
- Các khoản dự phòng	03	(133.000.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.643	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.390.080.575)	(659.073.527)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.934.733.238	4.254.197.512
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6.207.099.214	(7.481.844.353)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	42.147.066.986	(104.725.449.860)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(73.892.347.217)	95.472.321.727
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	3.184.841	93.005.766
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(570.461.871)	(62.644.428)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13.200.000	15.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(42.000.000)	(25.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23.199.524.809)	(12.460.613.636)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(151.794.545)	-
2. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(565.000.000)	(9.170.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.320.099.929	578.254.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	603.305.384	(8.591.745.910)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(22.596.219.425)	(21.052.359.546)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	68.499.552.588	44.336.868.205
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.643)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	45.903.327.520	23.284.508.659


Phạm Thị Thanh Thảo
Người lập biểu


Đoàn Thị Triệu Phước
Kế toán trưởng



Lê Phước Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kasati (“Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi theo Quyết định số 470/QĐ-TCBĐ ngày 7 tháng 6 năm 2002 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc chuyển Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin II thành Công ty Cổ phần. Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302826473 (số cũ là 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần từ thứ 2 đến lần thứ 11 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh; tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 3 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 59.960.100.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết từ ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã giao dịch là KST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 79 người (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 82 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông; Cung cấp thông tin lên mạng internet; Dịch vụ cung cấp giá trị gia tăng trên mạng viễn thông – mạng internet; Đại lý truy cập, xử lý, trao đổi dữ liệu và thông tin lên mạng internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet, trò chơi điện tử tại trụ sở). Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế. Cung cấp dịch vụ truy cập Internet (ISP), cung cấp các dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Sửa chữa nhà;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe gắn máy;
- Mua bán xe ô tô, xe có động cơ;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc – phụ tùng – các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ;
- Quảng cáo;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị điện tử, tin học;
- Kinh doanh phần mềm tin học;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, trụ tháp ăngten (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử. Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông;
- Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng (trừ phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê thiết bị mạng-viễn thông-tin học -điện-điện tử và điện lạnh;
- Mua bán vật liệu xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử;
- Mua bán xe gắn máy;
- Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Mua bán máy móc, phụ tùng-các bộ phận phụ trợ của xe gắn máy;
- Mua bán máy móc ngành xây dựng;
- Hoạt động giao nhận hàng hóa. Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử, kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử và cho thuê văn phòng, kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần số hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty liên kết				
Công ty CP Kasaco	Thành phố Hồ Chí Minh	49	49	Dịch vụ cho thuê hệ thống và phần mềm; Dịch vụ tư vấn, tuyển chọn và đào tạo điện thoại viên

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Kasati tại Hà Nội	Số 24, tập thể Đài phát thanh Mễ Trì, tổ dân phố số 1, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Kasati tại Đà Nẵng	38 Tạ Mỹ Duật, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu kỳ này so sánh được với số liệu kỳ trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm: Các chi phí bảo hiểm ô tô và các loại bảo hiểm khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí khác: Các chi phí khác bao gồm tiền thuê nhà và các chi phí khác phát sinh một lần, có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12
Thiết bị dụng cụ quản lý	04
TSCĐ hữu hình khác	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính: Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan trong kỳ:

Bên liên quan

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện
Tổng Công ty Hạ tầng mạng
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông
Tổng Công ty Truyền thông
Công ty Viễn thông Quốc tế
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
Công ty TNHH Sản xuất Thiết Bị Viễn Thông
Công ty CP Các Hệ thống Viễn thông Vineco
Công ty CP Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng
Công ty TNHH Thiết bị Viễn thông ANSV
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp
Công ty CP Viễn thông VTC
Công ty CP Công nghệ Công nghiệp BCVT
Công ty CP Viễn thông Tin học Bưu điện
Công ty CP Kasaco
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Bên góp vốn
Bên góp vốn
Đơn vị trực thuộc VNPT
Đơn vị trực thuộc VNPT
Đơn vị trực thuộc VNPT
Đơn vị trực thuộc VNPT
Đơn vị trực thuộc VNPT
Đơn vị trực thuộc VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty liên kết của VNPT
Công ty liên kết của VNPT
Đơn vị có vốn góp của VNPT
Đơn vị có vốn góp của VNPT
Công ty liên kết
Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	188.960.568	97.595.722
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.144.366.952	55.786.956.866
Các khoản tương đương tiền	35.570.000.000	12.615.000.000
Cộng	45.903.327.520	68.499.552.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	9.577.219.000	9.577.219.000	9.070.000.000	9.070.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	9.577.219.000	9.577.219.000	9.070.000.000	9.070.000.000
a2) Dài hạn	-	-	27.009.675	27.009.675
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	27.009.675	27.009.675
Cộng	9.577.219.000	9.577.219.000	9.097.009.675	9.097.009.675

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Kasaco	4.900.000.000	-	(*)	4.900.000.000	-	(*)
Cộng	4.900.000.000	-		4.900.000.000	-	

(*) Giá trị hợp lý:

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

Thông tin bổ sung

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 số 0305339252 ngày 8 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Kasaco 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Công ty CP Kasaco không lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty CP Kasaco đang lãi lũy kế.

Số dư và giao dịch chủ yếu trong kỳ với Công ty CP Kasaco đã trình bày tại thuyết minh số 6 và 19.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	82.961.019.992	73.063.559.702
Công ty CP Kasaco	345.840.000	517.044.000
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	69.545.246.616	46.048.121.859
Công ty CP Cokyvina	12.010.055.092	25.583.817.971
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	1.059.878.284	914.575.872
b) Phải thu ngắn hạn của các khách hàng khác	16.447.131.789	23.079.997.175
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone và các đơn vị trực thuộc	8.010.680.674	11.137.533.583
Các khách hàng khác	8.436.451.115	11.942.463.592
Cộng	99.408.151.781	96.143.556.877

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.918.324.766	16.367.989.363
a1) Phải thu khác bên liên quan	35.600.000	-
Chi hộ Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	35.600.000	-
a2) Phải thu ngắn hạn khác	11.882.724.766	16.367.989.363
Tạm ứng nhân viên	4.583.618.954	5.550.138.494
Ký quỹ, ký cược	6.975.384.388	10.563.183.091
Lãi dự thu	323.253.424	253.272.778
Phải thu khác	468.000	1.395.000
b) Dài hạn	227.272.058	125.030.663
Ký quỹ, ký cược	227.272.058	125.030.663
Cộng	12.145.596.824	16.493.020.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.909.999.345	(6.792.270.102)	7.262.984.398	(6.792.270.102)
Chi phí SXKD dở dang	2.561.099.936	-	44.355.181.869	-
Thành phẩm	456.894.722	(456.894.722)	456.894.722	(456.894.722)
Hàng hóa	342.758.265	(321.001.313)	342.758.265	(321.001.313)
Cộng	10.270.752.268	(7.570.166.137)	52.417.819.254	(7.570.166.137)

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là giá trị chi phí thực tế phát sinh của các công trình xây lắp còn dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	127.567.810	130.752.651
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	22.588.685	77.783.690
Chi phí bảo hiểm	8.979.125	52.968.961
Các khoản khác	96.000.000	-
b) Dài hạn	716.155.949	515.846.370
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	189.130.098	241.958.450
Chi phí sửa chữa	527.025.851	273.887.920

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	10.872.785.090	23.156.723.754	4.878.504.415	1.772.005.436	119.620.170	40.799.638.865
- Mua trong kỳ	-	106.340.000	-	-	-	106.340.000
Số dư cuối kỳ	10.872.785.090	23.263.063.754	4.878.504.415	1.772.005.436	119.620.170	40.905.978.865
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	10.521.648.095	23.119.193.666	2.751.454.338	1.595.107.138	119.620.170	38.107.023.407
- Khấu hao trong kỳ	138.709.776	17.783.605	177.112.560	34.595.650	-	368.201.591
Số dư cuối kỳ	10.660.357.871	23.136.977.271	2.928.566.898	1.629.702.788	119.620.170	38.475.224.998
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	351.136.995	37.530.088	2.127.050.077	176.898.298	-	2.692.615.458
Tại ngày cuối kỳ	212.427.219	126.086.483	1.949.937.517	142.302.648	-	2.430.753.867

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 35.445.759.974 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 35.381.551.847 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	911.885.959
Số dư cuối kỳ	911.885.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	714.124.659
- Khấu hao trong năm	28.638.000
Số dư cuối kỳ	742.762.659
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	197.761.300
Tại ngày cuối kỳ	169.123.300

Nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 625.505.959 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 625.505.959 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Huawei International Pte.Ltd	45.032.225.889	45.032.225.889	100.645.551.653	100.645.551.653
Công ty TNHH Orange Plus	8.055.267.800	8.055.267.800	13.745.908.800	13.745.908.800
Các đối tượng khác	26.823.312.495	26.823.312.495	30.166.558.427	30.166.558.427
Cộng	79.910.806.184	79.910.806.184	144.558.018.880	144.558.018.880

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	(62.644.428)	62.644.428
Cộng	-	-	(62.644.428)	62.644.428
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	495.686.515	4.644.605.587	(4.972.318.098)	167.974.004
Thuế xuất, nhập khẩu	-	105.818	(105.818)	-
Thuế TNDN	127.214.574	911.086.508	(570.461.871)	467.839.211
Thuế thu nhập cá nhân	26.955.228	222.381.005	(221.553.124)	27.783.109
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.911.017.017	(6.911.017.017)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	649.856.317	12.694.195.935	(12.680.455.928)	663.596.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo dưỡng, lắp đặt công trình	5.668.803.725	10.354.302.973
Cộng	<u>5.668.803.725</u>	<u>10.354.302.973</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	189.993.295	208.011.203
Bảo hiểm xã hội	48.482.935	29.872.270
Bảo hiểm y tế	3.284.235	-
Bảo hiểm thất nghiệp	26.705.270	25.245.610
Nhận ký quỹ, ký cược	1.581.490.000	1.682.582.099
Cổ tức phải trả	6.411.461.400	-
Phải trả chi phí các công trình	12.202.549.328	11.858.895.069
Các khoản phải trả khác	765.235.848	-
Cộng	<u>21.229.202.311</u>	<u>13.804.606.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

270A Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	29.960.100.000	9.980.050.000	19.229.003	11.792.993.202	14.905.586.698	66.657.958.903
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	29.960.100.000	(9.980.050.000)	(19.229.003)	(11.792.993.202)	(8.167.827.795)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.082.684.182	10.082.684.182
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(243.762.961)	(243.762.961)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.691.084.320)	(3.691.084.320)
Số dư đầu năm này	59.920.200.000	-	-	-	12.885.595.804	72.805.795.804
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.212.526.499	3.212.526.499
Trích quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	-	3.024.805.255	(3.024.805.255)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(622.334.863)	(622.334.863)
Thưởng HDQT và BKS (i)	-	-	-	-	(24.082.664)	(24.082.664)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(6.411.461.400)	(6.411.461.400)
Số dư cuối kỳ này	59.920.200.000	-	-	3.024.805.255	6.015.438.121	68.960.443.376

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 622.334.863 VND;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 3.024.805.255 VND;
- Chia cổ tức: 6.411.461.400 VND;
- Thưởng cho HDQT và BKS: 24.082.664 VND.

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa chi trả cổ tức cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.992.020	5.992.020
- Cổ phiếu phổ thông	5.992.020	5.992.020
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.992.020	5.992.020
- Cổ phiếu phổ thông	5.992.020	5.992.020
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 3 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 59.960.100.000 VND. Chi tiết vốn như sau:

	<u>Vốn đã góp</u>			
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>VND</u>
Cổ đông				
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	33,88%	20.300.000.000	33,88%	20.300.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	21,30%	12.761.800.000	21,30%	12.761.800.000
Các cổ đông khác	44,82%	26.858.400.000	44,82%	26.858.400.000
Cộng	100,00%	59.920.200.000	100,00%	59.920.200.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	21.525,72	2.825,95

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam. Hoạt động của Công ty trong 3 khu vực này không có khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là công trình viễn thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

19. DOANH THU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	2.625.136.000	5.857.200.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	108.657.284.579	49.179.665.948
	111.282.420.579	55.036.865.948
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	81.668.600	48.466.865
	81.668.600	48.466.865
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.200.751.979	54.988.399.083

Trong đó:

Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty CP Kasaco	314.400.000	314.400.000
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	68.538.513.026	5.579.699.928
Công ty CP Cokyvina	9.785.400.000	-
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	3.212.346.072	1.468.771.364

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	2.438.483.292	5.445.529.747
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	98.508.979.984	38.409.900.199
Cộng	100.947.463.276	43.855.429.946

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.117.774.004	7.415.868.797
Chi phí nhân công	7.197.985.972	8.636.131.555
Chi phí khấu hao tài sản cố định	396.839.591	490.569.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.512.337.828	35.613.159.476
Chi phí khác bằng tiền	7.334.131.263	6.128.042.036
Cộng	66.559.068.658	58.283.771.542

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.390.080.575	659.073.527
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.505	-
Cộng	1.390.083.080	659.073.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.909.978.212	4.307.066.335
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	516.206.622	654.532.277
Chi phí khấu hao TSCĐ	235.858.542	235.858.542
Thuế, phí và lệ phí	61.302.000	36.064.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	784.479.309	674.924.286
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(133.000.000)	-
Các khoản chi phí QLDN khác	2.204.633.779	1.457.424.157
Cộng	7.579.458.464	7.365.870.143

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	4.060.968.579	4.422.701.361
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>181.242.000</i>	<i>155.493.759</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.242.210.579	4.578.195.120
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	848.442.080	915.639.024

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.212.526.499	3.507.062.337
<i>Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.212.526.499	3.507.062.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.992.020	5.992.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	536	585

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 622.334.863 VND. Do đó, tại kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa có cơ sở để trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Giá trị phân phối này tác động đến Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 sẽ được điều chỉnh trên thông tin so sánh của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Đồng thời, chỉ tiêu này năm nay cũng sẽ được cập nhật thêm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi đối với báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.903.327.520	68.499.552.588
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.742.857.593	106.961.407.746
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.577.219.000	9.097.009.675
Cộng	162.223.404.113	184.557.970.009
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	94.460.081.360	158.099.496.048
Chi phí phải trả	5.668.803.725	10.354.302.973
Cộng	100.128.885.085	168.453.799.021

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như trình bày tại thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.903.327.520	-	45.903.327.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.515.585.535	227.272.058	106.742.857.593
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.577.219.000	-	9.577.219.000
Cộng	161.996.132.055	227.272.058	162.223.404.113
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	94.460.081.360	-	94.460.081.360
Chi phí phải trả	5.668.803.725	-	5.668.803.725
Cộng	100.128.885.085	-	100.128.885.085
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.867.246.970	227.272.058	62.094.519.028
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.499.552.588	-	68.499.552.588
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.836.377.083	125.030.663	106.961.407.746
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.070.000.000	27.009.675	9.097.009.675
Cộng	184.405.929.671	152.040.338	184.557.970.009
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	158.099.496.048	-	158.099.496.048
Chi phí phải trả	10.354.302.973	-	10.354.302.973
Cộng	168.453.799.021	-	168.453.799.021
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.952.130.650	152.040.338	16.104.170.988

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

46856
 HI NH
 PHỔ H
 CÔNG
 NHIỆM
 KIỂM T
 VAC
 VH - T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

27. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 5, 6, 7, 16, và 19; trong kỳ, Công ty không còn các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan.

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I.	Hội đồng Quản trị		288.336.791	132.630.234
1.	Tô Hoài Văn	Chủ tịch	77.112.619	32.348.835
2.	Đỗ Quang Khánh	Phó chủ tịch	59.118.674	24.800.769
3.	Nguyễn Thị Hồng Mai	Thành viên	41.576.412	27.556.410
4.	Lê Phước Hiền	Phó chủ tịch	59.118.674	23.962.110
5.	Nguyễn Long	Thành viên	51.410.412	23.962.110
6.	Hoàng Minh Phương	Thành viên	9.834.000	-
II.	Ban Tổng Giám đốc		1.400.251.000	826.935.000
1.	Lê Phước Hiền	Tổng Giám đốc	529.552.000	319.704.000
2.	Nguyễn Long	Phó Tổng Giám đốc	455.637.000	277.761.000
3.	Võ Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	415.062.000	229.470.000
III.	Ban Kiểm soát		252.700.871	173.556.210
1.	Hồ Thị Kim Oanh	Trưởng Ban	201.296.457	149.594.110
2.	Đỗ Ngọc Khánh	Thành viên	20.786.207	11.981.050
3.	Trần Quang Minh Mẫn	Thành viên	25.702.207	11.981.050
4.	Lê Xuân Bách	Thành viên	4.916.000	-
	Cộng		1.941.288.662	1.133.121.444

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm tiền lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 323.253.424 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 253.272.778 VND). Theo đó, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/ (giảm) các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (Tiếp theo)

Tiền chi mua sắm TSCĐ trong kỳ đã bao gồm 45.454.545 VND (kỳ trước: 0 VND), là số tiền trả trước cho nhà cung cấp để mua sắm TSCĐ. Do vậy, một khoản tiền chênh lệch tương ứng đã được điều chỉnh giảm trên khoản mục Tăng/ (giảm) các khoản phải thu.



Phạm Thị Thanh Thảo
Người lập biểu



Đoàn Thị Triệu Phước
Kế toán trưởng



Lê Phước Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

